

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-01-2026.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Siêng.

Ông Lê Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 355/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 747/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1973.

CCCD số: 084174004532.

Địa chỉ: Ấp Cầu Xây, xã Tân An, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Lê Văn T1, sinh năm 1978.

CMND số: 311568158.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Hòa, xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T xin vắng mặt và anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn T1 sống chung vào năm 1997, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 thường xuyên uống rượu, mỗi khi có rượu về thì kiếm chuyện đánh đập chị từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được mặc

dù chị đã khuyên can anh T1 rất nhiều lần. Chị và anh T1 đã sống ly thân tháng 7/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hoàng V, sinh ngày 16/10/2003, hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Lê Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lê Văn T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 sống chung năm 1997, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay xã T, tỉnh Đồng Tháp) là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh T1 với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 thường xuyên uống rượu, mỗi khi có rượu về thì kiểm chuyện đánh đập chị T từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục được mặc dù chị T đã khuyên can anh T1 rất nhiều lần, chị T và anh T1 đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T1; phía anh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh T1 không có thành ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T khai có 01 con tên Lê Hoàng V, sinh ngày 16/10/2003, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Văn T1.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004944 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

3. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân